NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TỰ HỌC CHO SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT TRONG QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO TẠI CÁC NHÀ TRƯỜNG SƯ PHẠM

Lê Trường Sơn Chấn Hải*

Tóm tắt:

Với quan điểm "Biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo", việc hình thành và triển năng lực tự học cho sinh viên trong đào tạo giáo viên Thể dục thể thao (TDTT) phải được coi là mục tiêu và sản phẩm đào tạo của các nhà trường Sư phạm. Đó là điều kiện cơ bản để nâng cao chất lượng đào tạo của mỗi nhà trường và là nền tảng tiềm lực để đội ngũ giáo viên TDTT tương lai tự phát triển lâu dài về trình độ chuyên môn.

Từ khóa: Năng lực tự học, giáo viên TDTT, nhà trường sư phạm.

Research on development of self-studying abilities of Physical Education majored students during training in pedagogical schools

Summary:

With a view of "turning training process into self-training process", the formation and development of student self-studying ability in training sports teacher must be considered as the first training targets at the pedagogical schools. That is the fundamental condition to improve the education quality of each schools and the potential basis for future sports teachers' long-term expertise self-development.

Keywords: Self-studying abilities, sports teacher, pedagogical schools.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực tiễn giáo dục Việt Nam đã chứng minh: Giáo dục phải luôn thích ứng với các yêu cầu khác nhau của quá trình phát triển xã hội; phát triển về chất lượng đội ngũ giảng viên và chất lượng giáo dục là một tất yếu khách quan để tạo ra hiệu quả và phát triển của nền kinh tế - xã hội.

Quá trình đổi mới và phát triển của nền giáo dục Việt Nam cho thấy: chất lượng chuyên môn của đội ngũ giáo viên các cấp học phổ thông luôn gắn liền với chất lượng đào tạo của hệ thống các nhà trường sư phạm. Đổi mới và chất lượng đổi mới của hệ thống các nhà trường phổ thông là hệ quả, là sản phẩm trực tiếp của đổi mới trong công tác đào tạo của các nhà trường sư phạm. Chính vì lẽ đó, hệ thống các nhà trường sư phạm được coi là "máy cái" của nền Giáo dục Việt Nam.

Nghị quyết số 17/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020 đã xác định: "Đổi mới để hội nhập quốc tế. Đổi mới theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội. Đổi mới theo hướng tích cực hóa quá trình học tập của sinh viên. Đổi mới để hình thành năng lực tự học cho lực lượng lao động tương lai, có khả năng tự học suốt đời". Đó cũng chính là cơ sở cho việc đổi mới giáo dục đại học ở Việt Nam [4].

Một trong những phương thức đào tạo tiến bộ được xây dựng và phát triển đó là tạo quyền chủ động học tập cho sinh viên mà cốt lõi là năng lực tự học của họ, hướng tới trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng tự học, tự phát triển trình độ suốt đời, đáp ứng nhu cầu và xu hướng phát triển về mọi mặt của xã hội.

Tuy nhiên, thực tiễn đào tạo trong các nhà trường sư phạm cũng đã chỉ ra những hạn chế cơ bản về trình độ chuyên môn của sinh viên chuyên ngành Giáo dục thể chất (GDTC) như: kiến thức và kỹ năng thực hành các môn thể thao chưa đáp ứng chuẩn kiến thức và kỹ năng của chương trình môn học. Còn nhiều hạn chế

*TS, Khoa Giáo dục thể chất, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

về năng lực học sử dụng và thực hành phương pháp dạy học, năng lực tự học, tự phát triển trình độ chuyên môn.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong quá trình nghiên cứu, đề tài đã sử dụng các phương pháp: phân tích và tổng hợp tài liệu, điều tra sư phạm, chuyên gia, thống kê, thực nghiệm sư phạm.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Đánh giá thực trạng khả năng tự học của sinh viên chuyên ngành GDTC

1.1. Tự đánh giá của sinh viên và đánh giá của giảng viên

Thực tiễn dạy học đã chứng minh kết quả của quá trình đào tạo phụ thuộc nhiều vào khả năng tự học của người học. Vì vậy, khảo sát về khả năng tự học của sinh viên là một cơ sở để đánh giá chất lượng đào tạo giáo viên TDTT trong các trường sư phạm.

Quá trình nghiên cứu đã tiến hành khảo sát ý kiến tự đánh giá về khả năng tự học của 314 sinh viên năm thứ 3 và năm thứ 4 chuyên ngành GDTC của 2 trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 và trường Đại học Tây Bắc trong 2 năm học 2013 – 2014 và 2014 – 2015; đánh giá của 40 giảng viên trực tiếp giảng dạy và cán bộ quản lý đào tạo của trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 và trường Đại học Tây Bắc. Kết quả khảo sát được trình bày tại bảng 1 và 2.

Bảng 1. Tự đánh giá về khả năng tự học của sinh viên chuyên ngành GDTC (n = 314)

TT	Nội dung khảo sát	Mức độ đánh giá							
		Tốt		Khá		Trung bình		Còn nhiều hạn chế	
		m_i	%	m_i	%	m_i	%	m_i	%
1	Mức độ sự vững vàng về năng lực tự học, khả năng tìm kiếm và khai thác tri thức thông qua tài liệu chuyên môn và các phương tiện khác	3	0.9	12	3.8	38	12.2	261	83.1
2	Khả năng liên kết kiến thức giữa các chương mục, phần của môn học và giữa các môn	12	3.8	27	8.7	35	11.1	240	76.4
3	Khả năng tự ghi chép nội dung bài giảng, cấu trúc kiến thức theo cách hiểu của bản thân	6	1.9	19	6.1	46	14.6	243	77.4
4	Luôn có nhu cầu và năng lực thực hành việc phối hợp nhóm, tổ trong hoạt động tự học	3	0.9	7	2.2	44	14	260	82.8
5	Có phương pháp ghi chép, lưu giữ nội dung kiến thức đã tra cứu và tìm kiếm được trong hoạt động tự học	5	1.6	7	2.2	46	14.7	256	81.5
6	Luôn hoàn thành các bài tập lớn, bài tập nghiên cứu được giáo viên giao về nhà với chất lượng tốt	9	2.9	26	8.3	39	12.4	240	76.4
7	Thường xuyên tự học dưới các hình thức: Cá nhân, Nhóm, tổ… để hoàn thành nhiệm vụ học tập	15	4.8	30	9.5	59	18.8	210	66.9

Bảng 2. Đánh giá của giảng viên và cán bộ quản lý về khả năng tự học của sinh viên chuyên ngành GDTC (n = 40)

TT	Nội dung khảo sát	Mức độ đánh giá							
		Tốt		Khá		Trung bình		Còn nhiều hạn chế	
		m_i	%	m_i	%	m_i	%	m_i	%
1	Vững vàng về năng lực tự học, khả năng tìm kiếm và khai thác tri thức thông qua tài liệu chuyên môn và các phương tiện khác	0	0	0	0	6	15	34	85
2	Có khả năng liên kết kiến thức giữa các chương mục, phần của môn học và giữa các môn	0	0	0	0	23	57.5	17	42.5
3	Có khả năng tự ghi chép nội dung bài giảng, kiến thức theo cách hiểu của bản thân	0	0	0	0	22	55	18	45
4	Có nhu cầu và năng lực phối hợp nhóm, tổ trong học tập và tự học	0	0	0	0	23	57.5	17	42.5
5	Luôn hoàn thành các bài tập lớn, bài tập nghiên cứu được giáo viên giao về nhà với chất lượng tốt	0	0	0	0	11	27.5	29	72.5
6	Thường xuyên tự học dưới các hình thức: cá nhân, nhóm, tổ… để hoàn thành nhiệm vụ học tập	0	0	0	0	32	80	8	20

Kết quả khảo sát cho thấy: Số đông sinh viên chưa đạt yêu cầu đào tạo ở bậc đại học về khả năng tự học; thiếu tiềm lực và kỹ năng triển khai hoạt động tự học.

1.2. Nguyên nhân hạn chế khả năng tự học của sinh viên chuyên ngành GDTC trong các nhà trường sư phạm

Ý kiến đánh giá của giảng viên được trình bày tại bảng 3.

Tổng hợp đánh giá của giảng viên cho thấy:

- Số đông sinh viên thiếu kiến thức và kỹ năng tự học, chưa có thói quen tự tìm tòi nghiên cứu, năng lực tự học chưa tương xứng với yêu cầu của phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Hoạt động đào tạo giáo viên TDTT của các nhà trường sư phạm chưa quan tâm đúng mức đến việc đào tạo và phát triển năng lực tự học cho sinh viên, chưa coi năng lực tự học của sinh viên vừa là phương tiện vừa là kết quả của quá trình đào tạo, thiếu cơ chế và biện pháp trong tổ chức đào tạo để thúc đẩy sinh viên nỗ lực tự học và rèn luyện năng lực tự học.

2. Giải pháp phát triển năng lực tự học cho sinh viên chuyên ngành GDTC trong quá trình đào tạo

2.1. Mục tiêu của giải pháp

Coi đào tạo năng lực tự học cho sinh viên là mục tiêu và sản phẩm đào tạo của nhà trường. Góp phần hình thành và phát triển quan niệm mới về năng lực tự học trong đào tạo sư phạm, tạo ra giá trị trực tiếp góp phần nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên TDTT, khắc phục có hiệu quả thực

Bảng 3: Đánh giá của giảng viên và cán bộ quản lý về nguyên nhân hạn chế khả năng tự học của sinh viên chuyên ngành GDTC (n = 40)

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá							
		Đáp ứng cao		Đáp ứng		Tương đối đáp ứng		Không đáp ứng	
		m_i	%	m_i	%	m_i	%	m_i	%
1	**Về tính thực tiễn**								
1.1	Góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ giáo viên TDTT	25	62.5	15	37.5	0	0	0	0
1.2	Mở rộng phạm vi đáp ứng của các cơ sở đào tạo giáo viên TDTT trước yêu cầu của thực tiễn giáo dục phổ thông	30	75	10	25	0	0	0	0
1.3	Góp phần hiện thực hóa quan điểm: "biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo"	34	85	16	15	0	0	0	0
1.4	Coi đào tạo năng lực tự học cho sinh viên là mục tiêu và sản phẩm đào tạo của nhà trường.	28	70	12	30	0	0	0	0
1.5	Coi năng lực tự học là một loại hình nghiệp vụ sư phạm quan trọng góp phần hoàn thiện năng lực nghề nghiệp của người giáo viên TDTT	26	65	14	35	0	0	0	0
1.6	Tạo tiềm lực cho giáo viên TDTT tự phát triển lâu dài về trình độ chuyên môn, sẵn sàng thích ứng có hiệu quả với đổi mới giáo dục	36	90	4	10	0	0	0	0
1.7	Góp phần đào tạo sinh viên sau khi ra trường sớm hoàn thiện năng lực chuyên môn theo qui định chuẩn nghề nghiệp	23	57.5	17	42.5	0	0	0	0
2	**Về tính khả thi**								
2.1	Góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ giáo viên TDTT	21	52.5	19	47.5	0	0	0	0
2.2	Mở rộng phạm vi đáp ứng của các cơ sở đào tạo giáo viên TDTT trước yêu cầu của thực tiễn giáo dục phổ thông	29	72.5	11	27.5	0	0	0	0
2.3	Góp phần hiện thực hóa quan điểm: "biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo"	32	80	8	20	0	0	0	0
2.4	Coi đào tạo năng lực tự học cho sinh viên là mục tiêu và sản phẩm đào tạo của nhà trường.	30	75	10	24	0	0	0	0
2.5	Coi năng lực tự học là một loại hình nghiệp vụ sư phạm quan trọng góp phần hoàn thiện năng lực nghề nghiệp của người giáo viên TDTT	32	80	8	20	0	0	0	0
2.6	Tạo tiềm lực cho giáo viên TDTT tự phát triển lâu dài về trình độ chuyên môn, sẵn sàng thích ứng có hiệu quả với đổi mới giáo dục	28	70	12	30	0	0	0	0
2.7	Góp phần đào tạo sinh viên sau khi ra trường sớm hoàn thiện năng lực chuyên môn theo qui định chuẩn nghề nghiệp	24	60	16	40	0	0	0	0

trạng yếu kém về kiến thức và kỹ năng thực hành hoạt động tự học của sinh viên. Tạo tiềm lực cho đội ngũ giáo viên TDTT tương lai có điều kiện tự phát triển lâu dài về trình độ chuyên môn, sẵn sàng thích ứng có hiệu quả với đổi mới giáo dục, có khả năng tìm kiếm tri thức để tự đổi mới và nâng cao chất lượng dạy học TDTT trong các nhà trường phổ thông. Tạo tiền đề để phát triển các loại hình năng lực khác cho sinh viên trong quá trình được đào tạo tại nhà trường.

2.2. Nội dung của giải pháp

Định hướng thiết kế mục tiêu của chương trình đào tạo và chương trình từng môn học được hình thành theo định hướng coi đào tạo và phát triển năng lực tự học cho sinh viên là một mục tiêu của cả quá trình đào tạo giáo viên TDTT, là một loại hình sản phẩm thể hiện chất lượng đầu ra của nhà trường.

Tổ chức và triển khai hoạt động đào tạo theo phương châm lấy phát triển năng lực tự học cho sinh viên làm định hướng để thiết kế hoạt động giờ học; coi kết quả tự học là điều kiện để hoàn thiện nội dung về kiến thức và kỹ năng của mỗi giờ học, môn học; coi kiến thức mà sinh viên phải chiếm lĩnh sau mỗi bài giảng không chỉ bao gồm nội dung được qui định bởi chương trình chi tiết của mỗi môn học hoặc giáo trình, mà còn là lượng kiến thức do bản thân sinh viên chủ động tìm kiếm và bổ sung dưới sự hướng dẫn và yêu cầu của giảng viên.

Thay đổi đáng kể vai trò của giảng viên trong mỗi giờ học, chuyển từ chủ yếu là người chuyển tải nội dung giờ học sang chủ yếu giữ vai trò tổ chức và định hướng thực hiện nội dung bài giảng với sự tham gia của sinh viên. Phương pháp đó kích thích sinh viên phải chủ động nghiên cứu nội dung kiến thức trước giờ lên lớp; là con đường tích cực hóa sinh viên thực hành hoạt động tự học và chuẩn bị cho họ điều kiện tham gia giờ học với vai trò chủ thể.

Nội dung tự học cái gì và tài liệu phục vụ cho hoạt động tự học phải tìm ở đâu trở thành nhiệm vụ phải chuẩn bị của giảng viên trước mỗi giờ học.

Tổ chức giờ học theo hướng phát triển năng lực tự học, nội dung và phương pháp tự học trở thành một trong những nội dung của hoạt động rèn luyện nghiệp vụ đối với sinh viên trong mỗi môn học, là điều kiện để sinh viên thực hành phương pháp tự học và dạy học ngay trong quá trình đào tạo tại nhà trường sư phạm.

2.3. Tổ chức thực hiện giải pháp

- Đối với công tác quản lý.

Đảm bảo cho mỗi giảng viên và sinh viên nhận thức được việc rèn luyện và phát triển năng lực tự học vừa là nhiệm vụ, nội dung và giá trị cần đạt được của mỗi khóa đào tạo.

Quản lý, chỉ đạo và giám sát nội dung đào tạo năng lực tự học cho SV là nhiệm vụ thường xuyên của đội ngũ Ban chủ nhiệm khoa, của các trưởng bộ môn; bồi dưỡng, rèn luyện và phát triển tổ chức hoạt động dạy học theo hướng phát triển năng lực tự học cho SV được coi là loại hình hoạt động chuyên môn của tập thể giảng viên.

Qui trình tiến hành giờ học, biên soạn tài liệu giảng dạy, yêu cầu kiểm tra đánh giá theo hướng rèn luyện năng lực tự học cho sinh viên được thống nhất trong tập thể giảng viên toàn khóa; coi dạy tự học và tự học là tiêu chí đánh giá kết quả công tác của thầy, đánh giá kết quả rèn luyện của trò.

Xác định và tiêu chuẩn hóa nội dung yêu cầu và phương pháp tự học để làm cơ sở cho hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá.

- Đối với giảng viên.

Chuẩn hóa cấu trúc bài giảng, giáo án và tổ chức giờ học theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của sinh viên, coi đó là điều kiện để thúc đẩy và đòi hỏi sinh viên tự học.

Biên soạn câu hỏi, bài tập phục vụ hoạt động dạy học trên lớp cho từng nội dung, chương, mục nhằm định hướng cho hoạt động tự học ở nhà của sinh viên.

Xác định nội dung của hoạt động tự học trong giờ học trên lớp trong hoạt động tự học, học ở nhà, đối với nội dung lý thuyết, thực hành để sinh viên có định hướng rèn luyện và thể hiện trách nhiệm của bản thân.

- Đối với sinh viên.

Nội dung của giải pháp được thiết kế nhằm rèn luyện và phát triển:

Khả năng tập trung chú ý cao trong giờ học; khả năng tổng hợp và ghi chép nội dung bài giảng.

Tính tích cực, chủ động tham gia nội dung bài giảng, trả lời câu hỏi của giảng viên trong giờ học; khả năng nhận biết những lỗ hổng về

kiến thức nền tảng, kiến thức liên môn thông qua nội dung mỗi giờ học.

Mức độ nắm vững kiến thức bài học cũ, mức độ gia công chuẩn bị bài học mới theo yêu cầu; mức độ và khả năng hoàn thành nhiệm vụ về nhà.

Năng lực tự chủ, nỗ lực thực hiện yêu cầu vận động và chủ động hoàn thành hướng vận động; khả năng nhận biết mức độ hoàn thành kỹ thuật động tác và tự kiểm tra đánh giá.

Khả năng sử dụng các phương tiện và điều kiện để tìm kiếm tri thức; thói quen và nhu cầu sớm tìm tòi tài liệu chuyên môn; chất lượng hoàn thành các chuyên đề tự nghiên cứu theo yêu cầu môn học.

Khả năng liên kết nhóm, tổ trong hoạt động tự học và thực hành nhiệm vụ học tập.

2.4. Đánh giá bước đầu tính thực tiễn và khả thi của giải pháp

Quá trình nghiên cứu đã tiến hành xin ý kiến đánh giá của giảng viên và cán bộ quản lý của một số cơ sở đào tạo giáo viên TDTT về mức độ đáp ứng tính thực tiễn và khả thi của giải pháp. Kết quả được trình bày tại bảng 4.

Phân tích kết quả đánh giá cho thấy:

- Các giải pháp có giá trị thực tiễn và khả thi trong hoạt động đào tạo giáo viên TDTT của các nhà trường sư phạm.

- Có tác động tích cực đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường, tiềm năng tự phát triển trình độ của đội ngũ giáo viên TDTT tương lai.

Bảng 4. Ý kiến đánh giá của giảng viên và cán bộ quản lý các cơ sở đào tạo giáo viên TDTT về tính thực tiễn và khả thi của giải pháp (n = 40)

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá							
		Đáp ứng cao		Đáp ứng		Tương đối đáp ứng		Không đáp ứng	
		m_i	%	m_i	%	m_i	%	m_i	%
1	**Về tính thực tiễn**								
1.1	Góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ giáo viên TDTT	25	62.5	15	37.5	0	0	0	0
1.2	Mở rộng phạm vi đáp ứng của các cơ sở đào tạo giáo viên TDTT trước yêu cầu của thực tiễn giáo dục phổ thông	30	75	10	25	0	0	0	0
1.3	Góp phần hiện thực hóa quan điểm: "biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo"	34	85	16	15	0	0	0	0
1.4	Coi đào tạo năng lực tự học cho sinh viên là mục tiêu và sản phẩm đào tạo của nhà trường.	28	70	12	30	0	0	0	0
1.5	Coi năng lực tự học là một loại hình nghiệp vụ sư phạm quan trọng góp phần hoàn thiện năng lực nghề nghiệp của người giáo viên TDTT	26	65	14	35	0	0	0	0
1.6	Tạo tiềm lực cho giáo viên TDTT tự phát triển lâu dài về trình độ chuyên môn, sẵn sàng thích ứng có hiệu quả với đổi mới giáo dục	36	90	4	10	0	0	0	0
1.7	Góp phần đào tạo sinh viên sau khi ra trường sớm hoàn thiện năng lực chuyên môn theo qui định chuẩn nghề nghiệp	23	57.5	17	42.5	0	0	0	0
2	**Về tính khả thi**								
2.1	Góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ giáo viên TDTT	21	52.5	19	47.5	0	0	0	0
2.2	Mở rộng phạm vi đáp ứng của các cơ sở đào tạo giáo viên TDTT trước yêu cầu của thực tiễn giáo dục phổ thông	29	72.5	11	27.5	0	0	0	0
2.3	Góp phần hiện thực hóa quan điểm: "biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo"	32	80	8	20	0	0	0	0
2.4	Coi đào tạo năng lực tự học cho sinh viên là mục tiêu và sản phẩm đào tạo của nhà trường.	30	75	10	24	0	0	0	0
2.5	Coi năng lực tự học là một loại hình nghiệp vụ sư phạm quan trọng góp phần hoàn thiện năng lực nghề nghiệp của người giáo viên TDTT	32	80	8	20	0	0	0	0
2.6	Tạo tiềm lực cho giáo viên TDTT tự phát triển lâu dài về trình độ chuyên môn, sẵn sàng thích ứng có hiệu quả với đổi mới giáo dục	28	70	12	30	0	0	0	0
2.7	Góp phần đào tạo sinh viên sau khi ra trường sớm hoàn thiện năng lực chuyên môn theo qui định chuẩn nghề nghiệp	24	60	16	40	0	0	0	0

2.5. Tổ chức thực nghiệm và đánh giá hiệu quả nội dung thực nghiệm.

Tổ chức thực nghiệm được tiến hành thông qua hoạt động đào tạo đối với SV khóa 37 và 38 chuyên ngành GDTC của trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 trong năm học 2013-2014 và 2014-2015.

Tiêu chí đánh giá kết quả thực nghiệm: Đề tài chỉ đánh giá kết quả thực nghiệm về sự phát triển năng lực tự học của sinh viên.

Phát triển năng lực tự học của sinh viên là mục tiêu và kết quả của một trong những giải pháp mà đề tài triển khai, đồng thời là kết quả được tạo ra dưới tác động tổng hợp của các biện pháp khác. Vì vậy, biểu hiện của năng lực tự học và kết quả của năng lực tự học cần được thể hiện thông qua sự phát triển của nhận thức, của tính tích cực mà SV đạt được thông qua các mặt của hoạt động học tập. Tổng hợp đánh giá của giảng viên và tự đánh giá của SV khóa 37 và 38 trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 về hiệu quả của giải pháp đối với sự phát triển năng lực tự học của SV được trình bày tại bảng 5 và bảng 6.

Qua bảng 5 và bảng 6 cho phép có một số nhận xét sau:

Quán triệt mục tiêu phát triển năng lực tự học cho SV trong mọi mặt hoạt động đào tạo của khoa đã tác động tích cực đến nhận thức của SV, định hướng và thúc đẩy họ chủ động tự đổi mới hoạt động học tập.

Điều kiện đổi mới phương thức tổ chức giờ học và các yêu cầu của giảng viên trong học tập vừa là động lực, vừa là sự dẫn dắt để SV phát triển cả về thái độ và kỹ năng tự học.

Diễn biến phát triển và duy trì tính tích cực trong rèn luyện năng lực tự học là sản phẩm trực

Bảng 5. Đánh giá của giảng viên về hiệu quả tác động của nội dung thực nghiệm đối với sự phát triển năng lực tự học của sinh viên (n = 22)

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá							
		Rất hiệu quả		Hiệu quả		Tương đối hiệu quả		Không hiệu quả	
		m_i	%	m_i	%	m_i	%	m_i	%
1	Hình thành và phát triển thái độ trách nhiệm và nỗ lực cao đối với hoạt động tự học của sinh viên	18	81.8	4	19.2	0	0	0	0
2	Nâng cao nhận thức của sinh viên về vai trò, tác dụng của hoạt động tự học đối quá trình được đào tạo tại nhà trường cũng như đối với hoạt động nghề nghiệp trong tương lai	17	77.3	5	22.7	0	0	0	0
3	Hình thành nhận thức, coi phát triển năng lực tự học là một nhiệm vụ quan trọng trong suốt quá trình được đào tạo tại nhà trường	18	81.8	4	18.2	0	0	0	0
4	Thúc đẩy sinh viên dành nhiều thời gian cho hoạt động tự học và gắn liền tự học với yêu cầu của mỗi giờ học tập trên lớp	15	68.2	7	31.8	0	0	0	0
5	Đòi hỏi sinh viên quan tâm thực sự đối với hoạt động tìm kiếm tri thức và tài liệu chuyên môn phục vụ cho hoạt động học tập	16	72.7	6	27.3	0	0	0	0
6	Tích cực hóa hoạt động học tập trên lớp, nâng cao chất lượng giờ thảo luận và kết quả kiểm tra đánh giá thường xuyên của SV	7	31.8	15	68.2	0	0	0	0
7	Tạo động lực và hình thành ở SV mối quan tâm đầu tư đổi mới phương pháp tự học theo hướng hiệu quả và chất lượng hơn	7	31.8	15	68.2	0	0	0	0
8	Phát triển kỹ năng ghi chép và tóm tắt nội dung bài giảng tốt; nâng cao sự tập trung chú ý của SV đối với hoạt động của giờ học	8	36.4	14	73.6	0	0	0	0
9	Giúp cho sinh viên tự tin, chủ động và tích cực tham gia các hoạt đông của giờ học theo sự hướng dẫn và yêu cầu của giảng viên	15	68.2	7	31.8	0	0	0	0
10	Hình thành và phát triển nhu cầu, khả năng tự kiểm tra đánh giá kết quả học tập đối với mỗi môn học, giờ học	9	40.9	13	59.1	0	0	0	0
11	Phát triển khả năng trình bày và cấu trúc nội dung tham gia thảo luận sáng tỏ và logic hơn	6	27.3	14	63.6	2	9.1	0	0
12	Phát triển nhu cầu và kỹ năng phối hợp nhóm, tổ để nâng cao hiệu quả hoạt động tự học của sinh viên	5	22.7	15	68.2	2	9.1	0	0
13	Phát triển ở sinh viên mối quan tâm đánh giá hoạt động học tập và kết quả học tập của bạn cùng lớp để học tập và rút kinh nghiệm cho bản thân	11	50	11	50	0	0	0	0

Bảng 6. Tự đánh giá của sinh viên về hiệu quả tác động của nội dung thực nghiệm đối với sự phát triển năng lực tự học của bản thân (n = 130)

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá							
		Rất hiệu quả		Hiệu quả		Tương đối hiệu quả		Không hiệu quả	
		m_i	%	m_i	%	m_i	%	m_i	%
1	Hình thành và phát triển thái độ trách nhiệm và nỗ lực cao đối với hoạt động tự học của sinh viên	57	43.8	73	56.2	0	0	0	0
2	Nâng cao nhận thức của sinh viên về vai trò, tác dụng của hoạt động tự học đối quá trình được đào tạo tại nhà trường cũng như đối với hoạt động nghề nghiệp trong tương lai	76	58.5	54	41.5	0	0	0	0
3	Coi phát triển năng lực tự học là một nhiệm vụ quan trọng trong suốt quá trình được đào tạo tại nhà trường	77	59.2	50	38.5	3	2.3	0	0
4	Thúc đẩy sinh viên dành nhiều thời gian cho hoạt động tự học và gắn liền tự học với yêu cầu của mỗi giờ học tập trên lớp	78	60	52	40	0	0	0	0
5	Đòi hỏi sinh viên quan tâm thực sự đối với hoạt động tìm kiếm tri thức và tài liệu chuyên môn phục vụ cho hoạt động học tập	80	61.5	47	38.5	3	2.3	0	0
6	Tích cực hóa hoạt động học tập trên lớp, nâng cao chất lượng giờ thảo luận và kết quả kiểm tra đánh giá thường xuyên của SV	59	45.4	64	49.2	7	5.4	0	0
7	Tạo động lực và hình thành ở SV mối quan tâm đầu tư đổi mới phương pháp tự học theo hướng hiệu quả và chất lượng hơn	61	46.9	66	50.8	3	2.3	0	0
8	Phát triển kỹ năng ghi chép và tóm tắt nội dung bài giảng tốt; nâng cao sự tập trung chú ý của SV đối với hoạt động của giờ học	58	44.6	69	53.1	3	2.3	0	0
9	Giúp cho sinh viên tự tin, chủ động và tích cực tham gia các hoạt đông của giờ học theo sự hướng dẫn và yêu cầu của giảng viên	59	45.4	66	50.8	5	3.8	0	0
10	Hình thành và phát triển nhu cầu, khả năng tự kiểm tra đánh giá kết quả học tập đối với mỗi môn học, giờ học	60	46.2	68	52.3	2	1.5	0	0
11	Phát triển khả năng trình bày và cấu trúc nội dung tham gia thảo luận sáng tỏ và logic hơn	51	39.2	62	47.7	17	13.1	0	0
12	Phát triển nhu cầu và kỹ năng phối hợp nhóm, tổ để nâng cao hiệu quả hoạt động tự học của sinh viên	51	39.2	61	46.9	18	13.9	0	0
13	Phát triển ở sinh viên mối quan tâm đánh giá hoạt động học tập và kết quả học tập của bạn cùng lớp để học tập và rút kinh nghiệm cho bản thân	73	56.2	53	40.8	4	3	0	0

tiếp của tổ chức giờ học nói riêng và hoạt động dạy học nói chung mà tập thể giảng viên và khoa tạo ra. Vì vậy, tính bền vững và hiệu quả của hoạt động tự học luôn gắn liền với cơ chế tổ chức đào tạo, tính trách nhiệm cao mà giảng viên truyền cho họ thông qua mỗi giờ học.

Đánh giá thường xuyên trong mỗi giờ học, sau mỗi buổi học thực sự đã trao quyền chủ động và trách nhiệm cho sinh viên trong học tập, tạo điều kiện cho họ nhận thấy kết quả của sự cố gắng hàng ngày do chính mình tạo ra.

KẾT LUẬN

Chương trình đào tạo và tổ chức đào tạo của khoa GDTC các nhà trường sư phạm chưa coi năng lực tự học của sinh viên là mục tiêu và là sản phẩm quan trọng trong quá trình đào tạo.

Năng lực tự học của sinh viên khi thực sự được coi là mục tiêu, là sản phẩm quan trọng của quá trình đào tạo sẽ tạo ra sự thay đổi căn bản và tích cực về cơ cấu tổ chức và chất lượng hoạt động dạy và học của thầy và trò.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 ban hành qui chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), Báo cáo nghiên cứu thực trạng đào tạo theo hệ thống tín chỉ trong các trường Đại học, Cao đẳngViệt Nam.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), "Đề án tổng thể phát triển GDTC và thể thao trường học giai đoạn 2015-2020, tài liệu hội thảo về công tác GDTC trường học.

4. Chính phủ CHXHCN Việt Nam (2005), Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006- 2020.

(Bài nộp ngày 16/11/2016, phản biện ngày 23/11/2016, duyệt in ngày 5/12/2016)